

Đoàn Volvo của Thụy Điển có tới 8 TGTCPNH, TD Simens của Đức có 6, tập đoàn Sony của Nhật có 3 TGTCPNH...). Nếu TĐCN được phép góp vốn thành lập ngân hàng thì sẽ rất dễ dàng dẫn đến tình trạng lấy vốn xã hội để hoạt động tín dụng “chỉ định” tập trung, và/hoặc cho vay chéo giữa các TĐCN đồng sở hữu ngân hàng, làm cho rủi ro tín dụng tập trung luôn trong tình trạng nguy cơ cao. Nếu ngân hàng này sụp đổ sẽ dẫn đến hiện tượng Domino trong hệ thống ngân hàng. Vì một ngân hàng dù hùng mạnh đến mấy, cũng vẫn là doanh nghiệp của công chúng với trên 90% tổng nguồn vốn là vốn của xã hội. Vậy nên, cần phải kiểm soát chặt chẽ, không nên để cho các TĐCN được tham gia góp vốn thành lập ngân hàng dưới bất cứ hình thức nào, mà chỉ cho phép họ được tự mình, và/hoặc góp vốn thành lập công ty tài chính phi ngân hàng. Theo tôi, ở thời điểm hiện nay, đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam không nên cho phép thành lập mới các ngân hàng nữa. Tuy chưa có một nghiên cứu đủ sâu nào để trả lời rành mạch được câu hỏi: Đối với một nền kinh tế thị trường thì mật độ NHTM tính trên cư dân, hay trên đơn vị hành chính thì con số NHTM bao nhiêu là vừa đủ... song trên địa bàn cả nước tính đến tháng 8/2008, hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam đã có 5 NHTM Nhà nước với tổng cộng trên 4000 chi nhánh, 2 ngân hàng chính sách với hàng trăm chi nhánh, 5 ngân hàng liên doanh, 36 NHTM cổ phần, 44 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 1 Quỹ tín dụng nhân dân TW với hơn 30 chi nhánh trải hơn 25 tỉnh, thành phố và 998 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở ở cấp phường, xã... Với những con số này, các chi nhánh, phòng giao dịch và “điểm” dịch vụ ngân hàng của các ngân hàng hiện hữu cũng đã thực sự “phủ sóng” đến tận các bản làng, thôn xóm. Tại TP.HCM với gần 500 phường mà đã có tới gần 1000 điểm dịch

vụ ngân hàng cố định. Bình quân mỗi phường có tới 2 điểm dịch vụ ngân hàng; thành phố Hà Nội cũng trong tình trạng “ra ngõ gặp ngân hàng”... thì tôi cho rằng vấn đề cơ cấu lại nghiệp vụ, hiện đại và hợp lý hóa công nghệ, nhất thể hoá mạng thanh toán thành mạng thanh toán quốc gia, cần đổi lại mạng lưới chi nhánh của các ngân hàng hiện hữu, thậm chí chưa bàn tới việc mở mới mà bàn luôn đến việc sáp nhập các ngân hàng nhỏ và xúc tiến nhanh việc cổ phần hóa các NHTM Nhà nước làm cơ sở để hình thành một vài tập đoàn tài chính mạnh... là “những việc cần làm ngay” cấp bách hơn, cần thiết hơn và khả thi hơn nhiều so với việc cho phép ra đời ngân hàng mới.

Thực ra câu trả lời về việc có mở mới NHTM vào giai đoạn này hay không đã có câu trả lời từ phía người dân và tổ chức kinh tế. Họ không kêu thiếu ngân hàng mà chỉ kêu thiếu những tiện ích và văn hóa dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam. Thậm chí qua thâm nhập thực tế cho thấy gần đây đã xuất hiện trong một bộ phận công chúng việc hoài nghi về sự tồn tại hay không tồn tại của một số NHTM nhỏ, năng lực quản trị yếu và đội ngũ nhân viên vừa mỏng, vừa thiếu bản lĩnh nghề nghiệp! Tình hình sẽ phức tạp hơn nhiều nếu lại cho ra đời thêm loại NHTM “của” TĐKT công nghiệp! Nếu xã hội có quá nhiều ngân hàng sẽ xuất hiện tình trạng “tranh cướp” người và cạnh tranh thị phần của nhau. “Miếng bánh” thị phần vừa bị cắt vụn, vừa phải nuôi một tổng số các “cỗ máy” ngân hàng nhiều hơn sẽ dễ dẫn đến tình trạng hỗn loạn khó kiểm soát được rủi ro. Thật sự, việc có thêm nhiều ngân hàng không giúp xã hội tăng thêm nguồn vốn vì bản thân ngân hàng không “để” ra vốn và “giá trị thặng dư” cho nền kinh tế, mặc dù nếu thiếu ngân hàng thực sự thì sẽ tạo sức ỳ và gây khó khăn cho quá trình vận động của nền kinh tế thị trường ■

Ngân Hàng Việt Nam sau hai năm gia nhập WTO Cơ hội và thách thức cần vượt qua

AN TRẦN

Năm 2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Việc gia nhập WTO của Việt Nam là mốc son quan trọng trên con đường phát triển của mình, đánh dấu cho việc hội nhập ngày càng sâu rộng với thị trường quốc tế nói chung, và trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng. Việt Nam gia nhập WTO trong bối cảnh thị trường tài chính trên thế giới ngày càng có mối liên kết chặt chẽ với quy mô và biến động của các luồng vốn tăng rất mạnh. Có thể nói rằng, đối với ngành ngân hàng, việc gia nhập và thực hiện các cam kết WTO mang lại nhiều thay đổi tích cực theo hướng tạo ra một thị trường mở cửa và có tính cạnh tranh cao hơn, thúc đẩy khu vực dịch vụ ngân hàng tăng trưởng cả về quy mô và loại hình hoạt động.



Ngân hàng chịu nhiều sức ép hội nhập

Bước vào hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là việc gia nhập WTO đối với ngành Ngân hàng có thể xem là cơ hội để tranh thủ nguồn vốn và kỹ thuật từ bên ngoài, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức do nguy cơ đảo chiều của các luồng vốn, nhất là trong bối cảnh kinh tế Mỹ chưa phục hồi và lạm phát toàn cầu gia tăng. Ý thức được xu thế tất yếu của toàn cầu hóa và hội nhập, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương đã tích cực đàm phán với các đối tác quốc tế và xây dựng lộ trình thực hiện các cam kết WTO nhằm giành thế chủ động trong quá trình hội nhập. Trong đó, một trong những quan điểm hàng đầu là kiểm soát luồng vốn vào và từng bước tự do hóa tài khoản tài chính; dự trữ quốc gia đã được cải thiện dần từ 6,3 tỉ USD năm 2004 lên 8,5 tỉ USD năm 2005 và đạt gần 12 tỉ USD năm 2006. Đáng chú ý, năm 2007 đạt trên 21 tỉ USD, tương đương 3,3 tháng nhập khẩu. Việc trả nợ các khoản vay nước ngoài cũng được thực hiện nghiêm chỉnh mặc dù thu ngân sách ngày càng khó khăn hơn, nhất là trong xu thế giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình cam kết. Theo nhận định chung của các chuyên gia, ngân hàng là lĩnh vực chịu nhiều sức ép hội nhập nhất so với các lĩnh vực kinh tế khác. Sức ép này hiện đang gay gắt hơn khi bắt đầu từ năm nay, tại Việt Nam đã có sự hiện diện của ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

Cơ hội và thách thức đối với ngân hàng Việt Nam (NHNN)

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), sau hai năm gia nhập WTO, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã có những bước chuyển biến rõ rệt, thực sự làm chủ được chính bản thân mình và đủ tự tin trên thương trường quốc tế. Hệ thống ngân hàng Việt Nam đã tạo ra một thị trường mở cửa và có tính cạnh tranh cao hơn, thúc đẩy khu vực dịch vụ ngân hàng tăng trưởng cả về quy mô và loại hình hoạt động, thích ứng nhanh với những tác

động từ bên ngoài, từ đó có khả năng đóng góp nhiều hơn và chủ động hơn vào sự phát triển chung của nền kinh tế. Qua đó diện mạo ngành ngân hàng đã có những thay đổi mạnh mẽ, bằng chứng là nhiều dịch vụ mới xuất hiện, khách hàng được chăm sóc chu đáo hơn, quy mô hoạt động của các ngân hàng không ngừng gia tăng. Tuy nhiên theo NHNN, mặc dù đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ, nhưng quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đang đặt ra rất nhiều thách thức cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Sau giai đoạn tăng trưởng nóng, hệ thống ngân hàng đang bộc lộ những điểm yếu mà theo các chuyên gia, ngay từ bây giờ cơ quan quản lý đã phải tính đến việc xây dựng khung pháp lý để sáp nhập những ngân hàng nhỏ nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, tránh đổ vỡ. Theo các chuyên gia bày tỏ quan điểm lo ngại về quy mô, năng lực tài chính cũng như khả năng cạnh tranh của hệ thống ngân hàng Việt Nam trước các đối thủ nước ngoài khi đã tiến sâu vào quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới. Theo cảnh báo của các chuyên gia, còn quá nhiều thách thức phía trước mà nếu hệ thống ngân hàng không nhận diện đầy đủ cũng như đưa ra các giải pháp phù hợp thì việc thua ngay trên sân nhà là điều hiện hữu.

Báo cáo mới nhất của NHNN tại hội thảo mang tên: “Đánh giá tác động hội nhập sau hai năm gia nhập WTO đối với nền kinh tế Việt Nam-Đối mới và phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế” do Bộ Công thương và Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức ngày 11/9/2008 cho biết: những diễn biến khó lường của nền kinh tế đã làm cho quá trình xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ trở nên khó khăn và phức tạp hơn do các cân đối vĩ mô biến động mạnh. Lúc này, NHNN đứng trước tình thế khó khăn khi phải lựa chọn giữa điều hành chính sách tỷ giá hỗ trợ xuất khẩu, mục tiêu kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế... Bên cạnh đó, một số lượng các ngân hàng nước

ngoài đầu tư, mở chi nhánh hoặc thành lập các ngân hàng 100% vốn ngoại đang tạo ra thách thức cho việc giám sát hoạt động ngân hàng của NHNN.

Theo TS. Nguyễn Thị Kim Thanh, Phó Vụ trưởng, Vụ Chính sách tiền tệ, qua 2 năm hội nhập, chính sách tiền tệ phải đối mặt với ba vấn đề lớn, đó là: kiểm soát tổng phương tiện thanh toán, lãi suất, tỷ giá khi lạm phát gia tăng; ngăn chặn bất ổn tự do hóa giao dịch vốn và đặc biệt là ảnh hưởng của xu hướng nổi lỏng hay thắt chặt chính sách tiền tệ trên thế giới. TS. Nguyễn Thị Kim Thanh phân tích: nếu như năm 2004, tổng kim ngạch xuất khẩu chỉ 55,261 tỉ USD thì đến năm 2007 lên tới 111,243 tỉ USD và con số này của nửa đầu năm 2008 là 75,466 tỉ USD. Cùng với đó là dòng vốn bên ngoài như đầu tư trực tiếp (FDI), đầu tư gián tiếp (FII), chuyển tiền tư nhân ngày càng lớn, nhất là đầu tư FII: năm 2006 vốn FII chỉ 1,3 tỉ USD nhưng sang năm 2007 FII vượt quá 6,2 tỉ USD. Ngoại tệ vào nhiều, giúp cho cán cân thanh toán tổng thể thặng dư và xét ở một góc độ khác, đó là cơ hội để NHNN tăng dự trữ ngoại tệ, cơ sở để ổn định tỷ giá và làm an lòng các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, sự tràn vào ồ ạt của dòng ngoại tệ trong một thời gian ngắn còn gây ra những tác động xấu khác. Bà Thanh nhận định: “Về lý thuyết cũng như thực tiễn, kết quả của cán cân thanh toán sẽ làm thay đổi tài sản “Có” ngoại tệ ròng, mà sự thay đổi tài sản “Có” ngoại tệ ròng sẽ làm thay đổi tổng phương tiện thanh toán”.

Ngoài ra trong nền kinh tế đô la hóa như Việt Nam, mối quan hệ giữa tỷ giá, lãi suất nội và ngoại tệ quan hệ rất chặt chẽ với nhau, vì thế nếu không đảm bảo lợi tức cân bằng giữa hai loại đồng tiền này, đương nhiên sẽ có sự dịch chuyển đầu tư giữa hai thị trường này và công việc điều hành chính sách tiền tệ trở nên khó khăn hơn. Bằng chứng rất rõ trong 6 tháng đầu năm 2008, khi giá 1 đô la Mỹ trên thị trường tự do xuống tới 15.400 đồng và vài tháng sau vọt lên 19.500 đồng và “con ngựa bất kham” này chỉ chịu đứng yên khi NHNN tung nhiều tỉ đô la Mỹ dự trữ ngoại hối để bình ổn. Bên cạnh đó sự lưu chuyển vốn đầu tư gián tiếp ra-vào Việt Nam cũng được tự do hơn đã gây áp lực lên chính sách tiền tệ. Trong khi đó NHNN không được độc lập trong thiết lập mục tiêu, trong xây dựng chỉ tiêu hoạt động, kể cả trong việc lựa chọn công cụ điều hành.

Theo cam kết của Việt Nam với WTO từ 1/4/2007, các ngân hàng nước ngoài được lập ngân hàng 100% vốn ngoại. Sau khi gia nhập WTO, thị trường tài chính ngân hàng Việt Nam đã nhận thêm nhiều chi nhánh ngân hàng nước ngoài, một số ngân hàng thương mại lớn trên thế giới đã gửi hồ sơ đề nghị SBV cấp giấy phép thành lập ngân hàng con 100% vốn nước ngoài. Đến nay NHNN đã cấp phép cho hai ngân hàng HSBC và Standard Chartered Bank.

Việc mở cửa thị trường ngân hàng sẽ làm tăng rủi ro thị trường về giá cả, lãi suất, tỷ giá, chu chuyển vốn. Hệ thống ngân hàng trong nước sẽ phải đối mặt với rủi ro khủng hoảng, các cú sốc kinh tế tài

chính khu vực và trên thế giới lan truyền; mất dần lợi thế khách hàng và kênh phân phối, nhất là từ sau năm 2010, khi những phân biệt về huy động vốn, sản phẩm dịch vụ... bị loại bỏ.

Theo các chuyên gia, ngành ngân hàng Việt Nam vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu và đổi mới với tiềm năng phát triển mạnh mẽ, nhưng trước mắt còn rất nhiều việc phải làm để sự phát triển này thực sự được bền vững và hiệu quả.

Những cơ hội có được trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế luôn đi kèm với thách thức. Việc gia nhập WTO được xem như một đòn bẩy giúp cho hệ thống ngân hàng Việt nam có bước chuyển biến rõ rệt, thích ứng nhanh hơn với những tác động từ bên ngoài nhưng cũng làm bộc lộ rõ nét hơn những hạn chế, bất cập và cả những thách thức cần vượt qua.

Bước đi thông minh

Tính đến thời điểm này đã có 10 ngân hàng Việt Nam có đối tác chiến lược là ngân hàng ngoại và hai ngân hàng ngoại được cấp phép thành lập 100% vốn ngoại tại Việt Nam. Theo ông Lê Đắc Sơn, Tổng giám đốc VPBank, Việt Nam đang bước vào sân chơi lớn, ở đó, hàng hóa Việt Nam và hàng hóa nước ngoài được tự do trao đổi trên thị trường. Trong lĩnh vực ngân hàng, các ngân hàng Việt Nam phải chấp nhận thực tế các ngân hàng nước ngoài sẽ hiện diện tại Việt Nam và cung cấp cho người dân Việt Nam các sản phẩm, dịch vụ tương tự các sản phẩm mà họ cung cấp cho khách hàng toàn thế giới. Việc gia nhập thị trường Việt Nam của ngân hàng ngoại hoàn toàn vì mục tiêu lợi nhuận. Ông Lê Đắc Sơn nhận định, các ngân hàng nước ngoài đang đầu tư mạnh mẽ vào Việt Nam qua mua cổ phần các ngân hàng trong nước theo kiểu “con sói gửi chân”. Bước tiếp theo, họ sẽ nâng tối đa phần sở hữu tại các ngân hàng cổ phần và sẽ lập ngân hàng con 100% vốn ngoại. Với thế mạnh về tài chính và dịch vụ đa dạng, ngân hàng nước ngoài tạo sức ép cạnh tranh lên ngân hàng trong nước. Ông Sơn cho rằng, bước đi thông minh của ngân hàng trong nước là tận dụng sự am hiểu địa phương, giữ khách hàng truyền thống, vận dụng công nghệ, kinh nghiệm nước ngoài để lấp đi những yếu kém về năng lực của mình và phải chấp nhận chia sẻ thị phần. Ông Sơn cũng dự đoán đến năm 2010, sẽ có thêm khoảng 5 ngân hàng nội có cổ đông chiến lược nước ngoài.

Trong khi các ngân hàng nội chưa chú trọng đến phát triển thị trường bán lẻ thì các ngân hàng ngoại như HSBC, ANZ đã mở rộng khai thác lĩnh vực này với các tiện ích hiện đại. Theo NHNN, hiện các ngân hàng ngoại có thể cung cấp khoảng 1.000 dịch vụ khác nhau cho khách nhưng ngân hàng nội chỉ cung cấp được chưa đến 100 dịch vụ. “Khi họ dẫn đường vững, các ngân hàng nội sẽ bị mất dần thị phần và khách hàng vì thế mạnh của các ngân hàng Việt Nam như có nhiều khách hàng truyền thống, am hiểu địa phương... là không bền vững”, ông Sơn nhận xét. Cùng quan điểm này, đại diện ngân hàng BIDV

cho rằng; ngân hàng nội sẽ phải đối mặt với sự thu hẹp thị phần và kênh phân phối khi Việt Nam buộc phải nới lỏng các hạn chế về tiếp cận thị trường dịch vụ ngân hàng. Khi đó, với sự hơn hẳn về công nghệ, trình độ quản lý, chất lượng và sự đa dạng của hệ thống sản phẩm sẽ hút được khách hàng quốc tế sang du lịch và kinh doanh tại Việt Nam.

Tăng năng lực cho ngân hàng nội

Theo các chuyên gia, giải pháp cho các ngân hàng Việt Nam trụ được trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt với ngân hàng ngoại trước hết nằm ở bài toán nâng cao trình độ công nghệ, tính minh bạch công khai và lộ trình về phát triển các dịch vụ. Ông Lê Đắc Sơn kiến nghị Chính phủ nên kiểm soát các ngân hàng nước ngoài triển khai những dịch vụ hiện đại càng lâu càng tốt để giúp ngân hàng Việt Nam có thêm thời gian nâng cao khả năng cạnh tranh. Với cách nhìn nghiêm khắc hơn, TS. Phạm Huy Hùng, Chủ tịch HĐQT Vietinbank khẳng định: “Để hội nhập thành công, việc cải cách hệ thống ngân hàng là then chốt. Chỉ có đổi mới toàn diện theo các chuẩn mực hoạt động của ngân hàng quốc tế mới đảm bảo hệ thống các ngân hàng Việt Nam cạnh tranh thành công với ngân hàng nước ngoài. Việt Nam cần phải xây dựng một hệ thống ngân hàng có uy tín, khả năng cạnh tranh cao, hoạt động có hiệu quả và an toàn để huy động tốt hơn các nguồn vốn trong xã hội”.

Để hội nhập thành công, đồng thời phát huy đúng vai trò giữ huyết mạch vốn cho nền kinh tế, ngành Ngân hàng cần hoàn chỉnh hai Luật Ngân hàng Nhà nước và Tổ chức tín dụng; phải có lộ trình rõ ràng về hệ thống dịch vụ bắt kịp với thế giới; hoàn chỉnh, nâng tầm công nghệ ngân hàng hiện đại tiện ích, trước hết là hệ thống thanh toán để giảm thanh toán tiền mặt, đồng thời cơ cấu lại

các ngân hàng thương mại theo hướng giảm thiểu số lượng, gia tăng năng lực tài chính, trình độ quản lý và công nghệ.

Theo TS. Cao Sỹ Kiêm, thành viên Hội đồng tư vấn chính sách tiền tệ quốc gia, cựu Thống đốc NHNN, hiện sức cạnh tranh của các ngân hàng trong nước có yếu hơn nhưng không phải yếu mọi mặt. Vì vậy, khi mở cửa cho các ngân hàng nước ngoài vào, Chính phủ nên chọn những lĩnh vực, những đối tượng để hỗ trợ theo khuôn khổ cho phép nhằm giúp các ngân hàng trong nước tăng sức cạnh tranh; đồng thời cũng cần giao thêm quyền cho NHNN để nơi này năng động hơn trong điều hành. Bên cạnh trách nhiệm, phải cho họ quyền thì họ mới chủ động, làm việc hiệu quả được.

Tóm lại, tự do hóa hoàn toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam là điều kiện bắt buộc trong cam kết gia nhập WTO của Việt Nam với các thành viên của tổ chức này. Trước bối cảnh này, điều quan trọng nhất là phải hoàn thiện hệ thống pháp lý về hoạt động ngân hàng, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với các cam kết khi hội nhập. Ngoài việc sửa đổi, bổ sung các luật nhằm tạo ra một khung pháp chế “xương sống” cho mọi hoạt động của ngân hàng, từng bước áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế đảm bảo hoạt động của ngân hàng an toàn hiệu quả. Trong đó đặc biệt phải xây dựng, chỉnh sửa bổ sung, các quy định về cấp phép hiện diện thương mại, về tổ chức hoạt động, quản trị, điều hành của các ngân hàng trong và ngoài nước hướng tới nguyên tắc không phân biệt đối xử, phù hợp với các cam kết và lộ trình gia nhập WTO. Tuân thủ nguyên tắc minh bạch hóa thông tin về hoạt động ngân hàng ■

(Nguồn: chinhphu.vn, sbv.gov.vn, vneconomy.vn, vir.com.vn, nld.com.vn)

TẠP CHÍ **Công nghệ
ngân hàng**

PHIẾU ĐẶT BÁO DÀI HẠN

To: Tạp chí **Công nghệ ngân hàng**
36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

70C 1207 - 0145G

Bạn đọc không cần
dán tem

